

Bản án số: 65/2024/DS-ST.
Ngày 13-9-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt.

Ông Thạch Văn Mến.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khánh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Quỹ tín dụng nhân dân M.** Địa chỉ: **số E, T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.**

- **Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông **Lê Thanh P;** Sinh năm 1982. Địa chỉ: **Số E, T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng** - Là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 40/GUQ-QTDMX, ngày 22/05/2024) (**Có đơn xin xét xử vắng mặt**).

* **Bị đơn:** **Lý Thị Sa Rây Búp P1;** Sinh năm: 1978. Địa chỉ: **Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** (**Vắng mặt**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2024, các lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 03 tháng 03 năm 2017, bà **Lý Thị Sa Rây Búp P1** có đến **Quỹ tín dụng nhân dân M** để vay vốn theo hợp đồng tín dụng số: 0676/17/HĐTD ngày 03/03/2017, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 130.000.000 đồng.

- Thời hạn cho vay: 60 tháng, từ ngày 03/03/2017 đến ngày 03/03/2022.
- Lãi suất cho vay trong hạn: 12%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 18%/năm.
- Mục đích vay vốn: Xây nhà.
- Hình thức đảm bảo nợ vay là: Vay tín chấp trừ lương hàng tháng, có cơ quan là Trường M1, huyện T ký bảo lãnh do bà Huỳnh Thị Thanh V hiệu trưởng trường M1 đã ký.

- Từ ngày vay đến ngày 04/01/2024 bà Lý Thị Sa Rây Búp P1 đã trả với tổng số tiền là 157.850.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 116.466.000 đồng và số tiền lãi là 41.384.000 đồng). Số tiền nợ còn lại tính từ ngày 03/06/2021 đến 13/9/2024 cả gốc và lãi là: 21.758.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 13.534.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.151.000 đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 13/9/2024 là 3.073.000 đồng.

Từ khi phát sinh nợ quá hạn đến nay bà Lý Thị Sa Rây B Pha không thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân M theo thỏa thuận đã ký và Quỹ tín dụng nhân dân M đã làm việc với bà nhiều lần và bà đã cam kết trả nợ, nhưng đến nay vẫn chưa trả hết nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên.

Với những nội dung và lý do trình bày như trên Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trần Đề giải quyết: Buộc bà Lý Thị Sa Rây B Pha trả dứt nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên với số tiền nợ gốc và số tiền nợ lãi phát sinh tính đến ngày 13/9/2024 DL là: 21.758.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 13.534.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.151.000 đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 13/9/2024 là 3.073.000 đồng (kèm bảng kê tính lãi) và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh cho đến khi bà Lý Thị Sa Rây B Pha trả dứt nợ với mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký là 18%/năm.

* Bị đơn là bà Lý Thị Sa Rây Búp P1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt, bà Lý Thị Sa Rây Búp P1 không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà Lý Thị Sa Rây Búp P1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lý Thị Sa R Búp Pha là bị đơn trong vụ án, bà Búp P1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà **Búp P1**.

[1.2] Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Lê Thanh P** đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông **P**.

[1.3] Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên thì vào ngày 03 tháng 03 năm 2017 giữa **Quỹ tín dụng nhân dân M** với bà **Lý Thị Sa R** Búp Pha có ký kết Hợp đồng tín dụng số: 0676/17/HĐTD ngày 03/03/2017, theo đó **Quỹ tín dụng nhân dân M** cho bà **P1** vay vốn số tiền là 130.000.000 đồng, để xây nhà. Do bà **P1** vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho **Q** tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên, nên **Quỹ tín dụng nhân dân M** khởi kiện yêu cầu bà **P1** phải hoàn trả tiền cho **Q** tín dụng nhân dân **Mỹ X** số tiền gốc và tiền lãi là 21.758.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử xong vụ án đến khi bà **P1** trả tất nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng là Tranh chấp về dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là bà **Lý Thị Sa R** Búp Pha phải có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/9/2024 DL là 21.758.000 đồng và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 14/9/2024 DL cho đến ngày bà **P1** trả tất nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên theo lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm.

Đối với bà **Lý Thị Sa R** Búp **P1** sau khi nhận được đơn khởi kiện của **Quỹ tín dụng nhân dân M**, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của **Quỹ tín dụng nhân dân M** và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà **Lý Thị Sa R** Búp Pha, nhưng bà **P1** không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của **Quỹ tín dụng nhân dân M**. Do đó, Hội đồng xét xử xem như bà **P1** đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Quỹ tín dụng nhân dân M**.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà **P1** vay vốn, **Quỹ tín dụng nhân dân M** cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như: Hợp đồng tín dụng số 0676/17/HĐTD ngày 03/3/2017 (bản sao có chứng thực); Bảng theo dõi thực hiện hợp đồng tín dụng số 0676/117HĐTD ngày 03/3/2017 (bản sao có chứng thực); Giấy đề nghị vay vốn của **Lý Thị Sa R** Búp Pha lập ngày 22/02/2017 (bản sao có chứng thực); Báo cáo thẩm định ngày 01/03/2017 (bản sao có chứng thực); Cam kết trả nợ ngày 29/11/23023 (bản sao có chứng thực); Bảng kê tính lãi tiền vay ngày 31/05/2024 của **Quỹ tín dụng nhân dân M** (bản chính); Bảng kê tính lãi tiền vay ngày 21/8/2024 của **Quỹ tín dụng nhân dân M** (bản chính); Bảng kê tính lãi tiền

vay ngày 13/9/2024 của **Quỹ tín dụng nhân dân M** (bản chính) và các giấy tờ khác có liên quan.

Xét thấy về hình thức và nội dung, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của **Quỹ tín dụng nhân dân M** cho rằng bà **P1** có vay số tiền là 130.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 0676/17/HĐTD ngày 03/03/2017 là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 0676/17/HĐTD ngày 03/03/2017 giữa **Quỹ tín dụng nhân dân M** và bà **Lý Thị Sa Rây B** đã xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N** và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng, nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do **Ngân hàng N** ban hành và Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc **Ngân hàng N** hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; **Quỹ tín dụng nhân dân M** đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, **Quỹ tín dụng nhân dân M** yêu cầu bà **P1** phải có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên tổng số nợ tiền gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số 0676/17/HĐTD ngày 03/03/2017 tính đến ngày 13/9/2024 DL là 21.758.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 13.534.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 5.151.000 đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 13/9/2024 là 3.073.000 đồng) và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 14/9/2024 DL cho đến ngày bà **P1** trả tất nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên theo lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 của Thông tư số: 39/2010/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N** và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và **Bộ T**. Vì vậy, cần xử buộc bà **Lý Thị Sa R** Búp Pha phải có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/9/2024 DL là 21.758.000 đồng và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 14/9/2024 DL cho đến ngày bà **P1** trả tất nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên theo lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà **Lý Thị Sa R** Búp Pha phải nộp 1.087.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm; **Quỹ tín dụng nhân dân M** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho **Q** tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 526.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004311 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1, Điều 2, Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N** và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và **Bộ T**; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án lệ số: 08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Quỹ tín dụng nhân dân M**.

Buộc bà **Lý Thị Sa R** Búp Pha phải có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 13/9/2024 DL là 21.758.000 đồng (*Hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng*) và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 14/9/2024 DL cho đến ngày bà **P1** trả tất nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên theo lãi suất nợ quá hạn là 18%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của **Quỹ tín dụng nhân dân M** cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho **Quỹ tín dụng nhân dân M** cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Lý Thị Sa R** Búp Pha phải nộp 1.087.900 đồng (*Một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; **Quý tín dụng nhân dân M** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho **Q** tín dụng nhân dân Mỹ Xuyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 526.000 đồng (*Năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004311 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: **Quý tín dụng nhân dân M** và bà **Lý Thị Sa Rây B** Pha có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên